

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 178/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2022

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch.
Bà Đào Thị Giang.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa: Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom
xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ
lý số 1060/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và
tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
155/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm: 1982.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn B, ấp B, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản
hòa giải có trong hồ sơ vụ án, chị Đinh Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh S tự nguyện tìm hiểu và
yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện
Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng
nhận kết hôn vào năm 2000. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn anh S
không chăm lo gia đình, thường xuyên ăn nhậu, mỗi lần ăn nhậu về là chửi và
đánh vợ con, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi, mâu

thuần đã kéo dài khoảng 10 năm nay, chị đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn để cho anh S cơ hội nhưng anh không thay đổi. Nay chị không còn tình cảm với anh S, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S, thực tế anh chị đã ly thân được 03 năm nay.

Về con chung: Có ba con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Ph, sinh ngày 11/5/2003, Nguyễn Đình Minh P, sinh ngày 31/10/2005, Nguyễn Đình Minh T, sinh ngày 10/4/2009. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu P, cháu T và không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Cháu Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 21/11/2022, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Theo các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ anh Nguyễn Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị L tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên vợ chồng đã không quan tâm đến nhau 02 năm nay. Nay chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh là người Công giáo, theo luật đạo anh không được ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Ph, sinh ngày 11/5/2003, Nguyễn Đình Minh P, sinh ngày 31/10/2005, Nguyễn Đình Minh T, sinh ngày 10/4/2009. Ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu P, cháu T và không yêu cầu anh cấp dưỡng, thì anh cũng đồng ý. Cháu Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 16/11/2022, anh S xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi thu thập được tài liệu, chứng cứ Tòa án không Thông báo cho đương sự là vi phạm khoản 5 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị L được ly hôn với anh S. Về con chung, giao cháu Thu, cháu Phụng cho chị L nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án

phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đinh Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh S, sinh năm: 1969, địa chỉ: Thôn B, ấp B, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị L nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị L, anh S xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã Hố Nai 3, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61 ngày 04/5/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh S, tuy nhiên anh S không đồng ý ly hôn, xét thấy chị L và anh S đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không quan tâm đến nhau 02 năm nay. Như vậy, mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Có ba con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Ph, sinh ngày 11/5/2003, Nguyễn Đình Minh P, sinh ngày 31/10/2005, Nguyễn Đình Minh T, sinh ngày 10/4/2009. Ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu P, cháu T và không yêu cầu anh S cấp dưỡng và anh S cũng đồng ý. Đồng thời hai cháu có nguyện vọng được sống cùng chị L, nên chấp nhận yêu cầu này của chị L.

Đối với cháu Ph đã trưởng thành và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị L về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” với anh Nguyễn Minh S

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Minh S

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Minh P, sinh ngày 31/10/2005, Nguyễn Đình Minh T, sinh ngày 10/4/2009 cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh Nguyễn Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Minh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001823 ngày 21/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Đinh Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đinh Thị L, anh Nguyễn Minh S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đường sự;
- UBND xã H
- (số KH 61 ngày 04/5/2000).
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương